



**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM**  
**THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HÃNG KIỂM TOÁN LEA GLOBAL**  
Chuyên ngành Kiểm toán, Định giá, Tư vấn tài chính, kế toán, thuế

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021**

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021



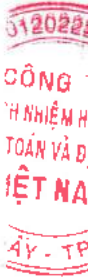
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

---

**MỤC LỤC**

<b>NỘI DUNG</b>	<b>TRANG</b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 38



## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

### Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

#### Hội đồng quản trị

Bà Dương Thị Lam	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 13/10/2021)
Ông Vũ Thanh Sơn	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 13/10/2021)
Bà Phạm Diễm Hoa	Thành viên
Bà Trần Huệ Linh	Thành viên
Bà Ngô Lan Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 13/10/2021)
Ông Đinh Tiến Thành	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 13/10/2021)
Ông Ngô Đức Long	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 13/10/2021)
Ông Phạm Tuấn Linh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 13/10/2021)

#### Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Thái Dũng	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/03/2022)
Ông Chu Việt Cường	Phó Giám đốc
Bà Nguyễn Ngọc Dung	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/10/2021 và Miễn nhiệm ngày 25/01/2022)
Ông Ngô Đức Long	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/10/2021)
Bà Lê Thị Ngọc Diệp	Phó Giám đốc
Bà Đinh Thị Chuyên	Phó Giám đốc

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:


- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

## BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc, 

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**



Nguyễn Thái Dũng

Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2022

Số : 2/19-22/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 31 tháng 03 năm 2022

## **BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Các cổ đông**

**Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc**

**Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 21 tháng 03 năm 2022, từ trang 06 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

### **Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ**

Tại thời điểm 31/12/2021, Báo cáo tài chính của Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua (là công ty con do Công ty nắm giữ 53,61% cổ phần phổ thông) phản ánh số lỗ lũy kế là (24.866.963.869) đồng (tại ngày 31/12/2020 là 20.869.538.330 đồng) và Báo cáo tài chính của Công ty CP Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 (là công ty liên kết do Công ty nắm giữ 37,04% cổ phần phổ thông) phản ánh số lỗ lũy kế là 41.875.243.197 đồng (tại ngày 31/12/2019 là 39.220.978.803 đồng). Báo cáo tài chính của các Công ty chưa bao gồm bất kỳ khoản điều chỉnh nào liên quan đến việc trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào Công ty này.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

(tiếp theo)

Đồng thời, tại thời điểm 31/12/2021, Công ty chưa thu thập được Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của các công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác là Công ty CP Sản xuất kinh doanh gia súc gia cầm, Công ty CP Thủy sản Kiên Giang và Công ty CP Sản xuất chế biến thực phẩm Hà Nội để xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào các công ty này (nếu có). Chúng tôi cũng không thể thực hiện được thủ tục kiểm toán nào khác để có thể đánh giá giá trị của các khoản đầu tư nêu trên. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh số dư khoản mục Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn cho các khoản đầu tư nêu trên hay không.

Một số khoản phải thu về cho vay ngắn hạn với tổng giá trị nợ gốc và lãi dự thu tương ứng tại thời điểm 31/12/2021 là 15.495.508.734 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 14.560.196.234 đồng), một số khoản phải thu khách hàng tại ngày 31/12/2021 là 1.723.444.400 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 1.723.444.400 đồng) và khoản phải thu khác tại ngày 31/12/2021 là 4.669.499.685 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 2.260.864.514 đồng) đã quá hạn thanh toán trên 03 năm và một số khoản trả trước cho người bán tại ngày 31/12/2021 là 721.790.237 đồng (tại ngày 31/12/2020 là 721.790.237 đồng) đã tồn đọng qua nhiều kỳ kế toán chưa được Công ty đánh giá khả năng thu hồi. Lãi dự thu của khoản phải thu về cho vay ngắn hạn nêu trên được tính và ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm với giá trị là 935.312.500 đồng. Với những tài liệu hiện có tại Công ty, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để đánh giá khả năng thu hồi của các khoản nợ nêu trên cũng như không thể đánh giá giá trị dự phòng cần trích lập. Do đó, chúng tôi không thể xác định được liệu có cần thiết phải điều chỉnh các khoản mục nêu trên hay không và các ảnh hưởng nếu có đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty.

### Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Ngọc Toán  
Phó Tổng giám đốc  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0024-2018-034-1  
Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Phạm Thị Hiền  
Kiểm toán viên  
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2449-2018-034-1

Mẫu số B 01 - DN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>61.673.210.276</b>	<b>72.198.577.446</b>
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1.	4.190.087.335	1.451.987.971
1. Tiền	111		4.190.087.335	1.451.987.971
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		30.797.016.800	26.476.408.818
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2.	5.869.609.695	2.343.888.252
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4.	1.025.665.939	1.583.755.384
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5.	8.500.000.000	8.500.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6.	15.576.741.166	14.223.765.182
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.8.	(175.000.000)	(175.000.000)
IV. Hàng tồn kho	140		26.103.471.059	41.073.938.932
1. Hàng tồn kho	141	V.7.	26.103.471.059	41.073.938.932
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		582.635.082	3.196.241.725
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9.	113.864.354	132.074.943
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	3.064.166.782
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	153	V.15.	468.770.728	-
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>129.259.846.958</b>	<b>137.556.612.322</b>
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.594.959	11.594.959
1. Phải thu dài hạn khác	216	V.6.	11.594.959	11.594.959
II. Tài sản cố định	220		60.082.922.253	63.866.892.198
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.11.	60.082.922.253	63.859.060.198
- Nguyên giá	222		126.596.518.165	128.159.081.822
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(66.513.595.912)	(64.300.021.624)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.10.	-	7.832.000
- Nguyên giá	228		227.000.000	227.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(227.000.000)	(219.168.000)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.307.864.029	3.307.864.029
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12.	3.307.864.029	3.307.864.029
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.3.	62.453.742.255	62.453.742.255
1. Đầu tư vào công ty con	251		43.380.693.001	43.380.693.001
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		17.900.000.000	17.900.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.173.049.254	1.173.049.254
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.403.723.462	7.916.518.881
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9.	3.403.723.462	7.916.518.881
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>190.933.057.234</b>	<b>209.755.189.768</b>

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)



Mẫu số B 01 - DN

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021  
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>46.419.688.154</b>	<b>63.388.080.432</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>43.473.906.689</b>	<b>58.679.760.624</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13.	4.959.936.319	36.901.595.728
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14.	66.598.242	67.365.432
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15.	812.353.457	743.207.275
4. Phải trả người lao động	314		1.038.249.604	1.219.384.078
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16.	38.979.235	444.589.024
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17.	272.902.859	647.911.987
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19.	777.618.625	396.118.625
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.18.	35.393.192.009	18.145.512.136
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		114.076.339	114.076.339
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>2.945.781.465</b>	<b>4.708.319.808</b>
1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.17.	-	-
2. Phải trả dài hạn khác	337	V.19.	1.998.900.000	1.815.500.000
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.18.	946.881.465	2.892.819.808
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>144.513.369.080</b>	<b>146.367.109.336</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.20.</b>	<b>144.513.369.080</b>	<b>146.367.109.336</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		145.000.000.000	145.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		285.291.856	285.291.856
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		540.000.000	540.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(1.311.922.776)	541.817.480
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		541.817.480	5.890.405.310
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		(1.853.740.256)	(5.348.587.830)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>190.933.057.234</b>	<b>209.755.189.768</b>

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2022

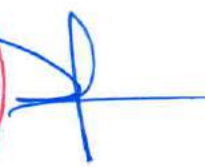
CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phùng Thị Thúy

Vũ Thị Mai Hồng

Nguyễn Thái Dũng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 02 - DN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	136.894.320.188	124.492.505.859
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	191.515.821	123.922.534
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		136.702.804.367	124.368.583.325
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3.	105.010.502.824	99.852.518.513
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		31.692.301.543	24.516.064.812
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4.	2.129.452.872	2.526.891.151
7. Chi phí tài chính	22	VI.5.	3.395.847.442	1.792.269.564
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		3.369.718.853	1.770.425.997
8. Chi phí bán hàng	25	VI.8.	18.504.879.977	15.513.478.769
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.8.	15.428.973.316	15.844.851.586
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(24+25)}	30		(3.507.946.320)	(6.107.643.956)
11. Thu nhập khác	31	VI.6.	1.655.387.960	793.210.708
12. Chi phí khác	32	VI.7.	1.181.896	34.154.582
13. Lợi nhuận khác (40= 31-32)	40		1.654.206.064	759.056.126
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		(1.853.740.256)	(5.348.587.830)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.10.	-	-
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		(1.853.740.256)	(5.348.587.830)

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Phùng Thị Thúy

Vũ Thị Mai Hồng

Nguyễn Thái Dũng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

Mẫu số B 03 - DN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**  
 (Theo phương pháp trực tiếp)  
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		140.606.646.924	132.262.454.844
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(128.883.335.281)	(108.826.805.226)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(11.263.241.593)	(10.091.816.212)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(3.369.718.853)	(1.353.938.221)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		-	(160.987.464)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		12.263.372.824	11.967.512.790
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(21.776.860.245)	(25.492.383.961)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>(12.423.136.224)</b>	<b>(1.695.963.450)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(755.192.412)	(2.043.225.433)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22			4.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(6.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	6.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(4.914.260.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		614.686.469	1.206.062.192
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(140.505.943)</b>	<b>(5.747.423.241)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ đi vay	33		90.712.156.778	40.895.919.872
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(75.410.415.247)	(35.178.774.660)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>15.301.741.531</b>	<b>5.717.145.212</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)</b>	<b>50</b>		<b>2.738.099.364</b>	<b>(1.726.241.479)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>		<b>1.451.987.971</b>	<b>3.178.229.450</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>4.190.087.335</b>	<b>1.451.987.971</b>

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2022

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phùng Thị Thúy

Vũ Thị Mai Hồng

Nguyễn Thái Dũng

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này.)

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

### I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội (gọi tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội được cổ phần hóa theo Kế hoạch số 191/KH-UBND ngày 30/12/2013 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về sắp xếp, đổi mới doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội năm 2014 và Quyết định số 5965/QĐ-UBND ngày 13/11/2014 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp và phương án cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thực phẩm Hà Nội thuộc Tổng Công ty Thương mại Hà Nội. Công ty chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần theo "Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần với mã số doanh nghiệp là 0100106803, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 25 tháng 10 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100106803 thay đổi lần thứ 15 ngày 25/10/2021 thay đổi Người đại diện theo pháp luật thì Vốn Điều lệ của Công ty là **145.000.000.000 VND** (Một trăm bốn mươi lăm tỷ đồng).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên sàn UPCOM với mã chứng khoán là HAF.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ, sản xuất, kinh doanh thương mại thực phẩm.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt;
- Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản;
- Chế biến và bảo quản rau quả;
- Sản xuất các loại bánh từ bột;
- Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu;
- Bán buôn gạo;
- Bán buôn thực phẩm;
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống. Chi tiết: Bán buôn thóc, ngô và các loại hạt ngũ cốc khác Bán buôn thức ăn và nguyên liệu làm thức ăn cho gia súc, gia cầm và thủy sản;
- Bán buôn tổng hợp;

**Trụ sở chính của Công ty tại:** Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**5. Cấu trúc doanh nghiệp**

**a) Danh sách các công ty con, công ty liên kết**

**a1) Danh sách các công ty con kiểm soát trực tiếp**

Tên công ty con trực tiếp	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1. Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua	Số 19, phố Hàng Khoai, Phường Đồng Xuân, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội	- Kinh doanh siêu thị, nhà hàng, khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường) - Đầu tư, xây dựng kỹ thuật hạ tầng trung tâm thương mại; - Quản lý, vận hành khu trung tâm thương mại, văn phòng, kho hàng, gara ô tô;....	53,61%	53,61%
2. Công ty CP Thương mại Lãng Yên	Số 21 Trần Khánh Dư, Phường Bạch Đằng, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội	- Kinh doanh dịch vụ siêu thị, nhà hàng, khách sạn; Kinh doanh công nghệ hàng điện tử; Buôn bán máy móc, đồ dùng cho gia đình...	51%	51%

**a2) Danh sách các công ty liên kết**

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ quyền biểu quyết
1. Công ty CP Sản xuất kinh doanh gia súc, gia cầm	Khu Công nghiệp Hapro, Xã Lê Chi, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội	- Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt, chế biến và bảo quản rau, buôn bán thực phẩm, cung cấp dịch vụ thuê kho bãi và trông giữ hàng hóa...	37,04%	37,04%
2. Công ty CP Âm thực Hà Nội	Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam	- Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; sản xuất dầu mỡ, động thực vật; sản xuất tinh bột và các sản phẩm về tinh bột...	27,59%	27,59%

**b) Danh sách các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc**

- Trung tâm Thương mại Văn Hồ
- Trung tâm Kinh doanh bán buôn
- Cửa hàng Thực phẩm Hàng Da
- Chuỗi cửa hàng tiện ích Hapro

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

**2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**III. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

**1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

**2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Riêng Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - "Báo cáo bộ phận" chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày Báo cáo tài chính này.

**IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu**

**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính này được lập là báo cáo tài chính riêng của Công ty mẹ. Công ty lập Báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (như chi tiết trình bày tại Thuyết minh số I.5) cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Người sử dụng Báo cáo tài chính này nên đọc báo cáo này cùng báo cáo tài chính hợp nhất để có được thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty.

**2. Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính*: tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu

**3. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán**

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

**4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

**5. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính****Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

**Các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên kết****Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

**Đầu tư vào công ty liên kết**

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

**Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác**

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty chưa thu thập được báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của các công ty liên kết và các đơn vị nhận đầu tư khác là Công ty CP Sản xuất kinh doanh gia súc gia cầm, Công ty CP Thủy sản Kiên Giang và Công ty CP Sản xuất chế biến thực phẩm Hà Nội để xem xét trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào các công ty này.

**6. Nguyên tắc kế toán các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.

- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn thu hồi của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra do đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán vì bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự dẫn đến khả năng thu hồi được đúng hạn.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***7. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày 31/12/2021, Công ty không có hàng tồn kho phải trích lập dự phòng giảm giá.

**8. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ****8.1 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT- BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế bao gồm giá thành thực tế của tài sản cố định hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế và chi phí lắp đặt chạy thử.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm.

Công ty áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng đối với tài sản cố định hữu hình. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gồm:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao &lt;năm&gt;</i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	10 - 50
- Máy móc, thiết bị	05 - 12
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn	08 - 12
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	05 - 10

**8.2 Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao TSCĐ vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)*

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và Khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT - BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/4/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 45/2013/TT- BTC và Thông tư 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy vi tính.

**Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

**9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là chi phí đầu tư xây dựng, được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí thuê nhà thầu thi công, chi phí lãi vay và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty.

**10. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ các khoản chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ, lợi thế kinh doanh và các khoản chi phí trả trước không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định.

Công cụ dụng cụ: Các công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng từ 01 đến 03 năm.

Lợi thế kinh doanh: Lợi thế kinh doanh được ghi nhận theo số liệu trên Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp số 373/2014/BCTĐG-CIMEICO tại ngày 06/10/2014 của Công ty TNHH Một thành viên Thực phẩm Hà Nội (tại thời điểm 30/6/2014). Lợi thế kinh doanh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khoản chi phí trả trước không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định được Công ty đưa vào phân bổ trong năm trong thời gian 03 năm.

**11. Nguyên tắc kế toán các khoản nợ phải trả**

Nợ phải trả là các khoản phải thanh toán cho nhà cung cấp và các đối tượng khác. Nợ phải trả bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác. Nợ phải trả không ghi nhận thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Việc phân loại các khoản phải trả được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên kết;

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản phải trả được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng và kỳ hạn phải trả.

**12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay, nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn, nguyên tệ

**13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Chi phí phải trả của Công ty bao gồm các khoản trích trước chi phí điện, nước và các chi phí phải trả khác, là chi phí thực tế đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong năm, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

**14. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản không bao gồm tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ. Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

**15. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lãi từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

**16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập**

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá, doanh thu cho thuê tài sản hoạt động, doanh thu tiền lãi và cổ tức lợi nhuận được chia.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

**Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập Báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động**

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

**Doanh thu tiền lãi**

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

**Cổ tức và lợi nhuận được chia**

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được nhận quyền cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

**17. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính**

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm,...

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***18. Các nghĩa vụ về thuế****Thuế Giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

**Thuế khác**

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Bảng cân đối kế toán****1. Tiền**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
Tiền mặt	176.900.375	1.126.715.560
Tiền gửi ngân hàng	4.013.186.960	325.272.411
<b>Cộng</b>	<b>4.190.087.335</b>	<b>1.451.987.971</b>

**2. Phải thu của khách hàng**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>5.869.609.695</b>	-	<b>2.343.888.252</b>	-
Công ty TNHH Du lịch và Thương mại Châu Á Thái Bình Dương	842.670.752	-	842.670.752	-
Công ty CP thương mại dịch vụ Công Vàng	582.450.000	-	-	-
Các đối tượng khác	4.444.488.943	-	1.501.217.500	-
<b>Cộng</b>	<b>5.869.609.695</b>	-	<b>2.343.888.252</b>	-

**b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2**

CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI  
Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân,  
quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**3. Các khoản đầu tư tài chính**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi số	Giá gốc
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	<b>43.380.693.001</b>	-	<b>43.380.693.001</b>	<b>43.380.693.001</b>
Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua	22.514.260.000	-	22.514.260.000	22.514.260.000
Công ty CP Thương mại Lãng Yên	20.866.433.001	-	20.866.433.001	20.866.433.001
<b>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</b>	<b>17.900.000.000</b>	-	<b>17.900.000.000</b>	<b>17.900.000.000</b>
Công ty CP Sản xuất kinh doanh gia súc, gia cầm	17.500.000.000	-	17.500.000.000	17.500.000.000
Công ty CP Âm thực Hà Nội	400.000.000	-	400.000.000	400.000.000
<b>Đầu tư vào đơn vị khác</b>	<b>1.173.049.254</b>	-	<b>1.173.049.254</b>	<b>1.173.049.254</b>
Công ty CP Thủy sản Kiên Giang	100.000.000	-	100.000.000	100.000.000
Công ty CP Sản xuất chế biến thực phẩm Hà Nội	1.073.049.254	-	1.073.049.254	1.073.049.254
<b>Tổng cộng</b>	<b>62.453.742.255</b>	-	<b>62.453.742.255</b>	<b>62.453.742.255</b>

Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty chưa có cơ sở để xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản đầu tư vào đơn vị khác để thuyết minh trong Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 do không có giá giao dịch trên thị trường cho các khoản đầu tư này hoặc không có đầy đủ thông tin cần thiết để đánh giá giá trị hợp lý. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi số.

**Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên doanh, liên kết**

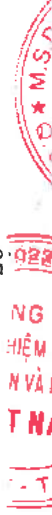
Các công ty con và công ty liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

**Các giao dịch trọng yếu giữa doanh nghiệp và công ty con, liên doanh, liên kết trong năm.**

Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua: Công ty cung cấp dịch vụ đối với Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua

Công ty CP Âm thực Hà Nội: Công ty cho Công ty CP Âm thực Hà Nội thuê địa điểm kinh doanh.

Công ty CP Thương mại Lãng Yên: Công ty CP Thương mại Lãng Yên cho Công ty thuê địa điểm kinh doanh.



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**4. Trả trước cho người bán**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>		
Công ty CP Sản xuất kinh doanh gia súc gia cầm	312.692.924	312.692.924
Chi nhánh Miền Bắc tại Hưng Yên - Công ty CP Dầu thực vật Tường An	-	451.343.902
Các đối tượng khác	712.973.015	819.718.558
<b>Cộng</b>	<b>1.025.665.939</b>	<b>1.583.755.384</b>

*b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2*

**5. Phải thu về cho vay**

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua (1)	4.000.000.000	-	4.000.000.000	-
Công ty CP Sản xuất kinh doanh gia súc gia cầm (2)	3.500.000.000	-	3.500.000.000	-
Công ty CP Phát triển Siêu thị Hà Nội (3)	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>8.500.000.000</b>	<b>-</b>	<b>8.500.000.000</b>	<b>-</b>

(1) Phải thu về cho vay với Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua theo các hợp đồng sau:

- Khoản cho vay theo Hợp đồng số 08/HĐTD/BQ-TP ngày 11/02/2015, số tiền cho vay gốc là: 6.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay cố định: 9%/năm, lãi cho vay nhận một lần cùng gốc cho vay. Khoản vay này đã được bù trừ với số tiền 2.000.000.000 đồng để tăng thêm vốn góp vào công ty con.

(2) Phải thu về cho vay với Công ty CP Sản xuất kinh doanh gia súc gia cầm theo các hợp đồng sau:

- Khoản cho vay theo Hợp đồng số 60/HĐVV-PTST ngày 07/12/2012, số tiền cho vay gốc là: 2.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 03 tháng, lãi suất cho vay cố định: 15%/năm, lãi cho vay nhận hàng tháng, Phụ lục hợp đồng số 07-17/PLHĐTD ngày 07/12/2012 gia hạn thời hạn trả nợ đến ngày 30/6/2015;
- Khoản cho vay theo Hợp đồng số 55/HĐTD ngày 26/8/2014, số tiền cho vay 1.500.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 12 tháng, lãi suất cho vay cố định: 10%/năm, lãi cho vay được trả theo yêu cầu bên cho vay.

(3) Khoản cho vay theo Hợp đồng số 60/HĐVV-PTST ngày 01/09/2013, số tiền cho vay 1.000.000.000 đồng, thời hạn cho vay là 3 tháng, lãi suất cho vay cố định: 13%/năm, lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn và được tính trên số tiền chậm trả, Phụ lục số 04-60PLHĐTD ngày 01/01/2015 gia hạn thời hạn trả nợ đến hạn ngày 31/12/2015.

*b) Phải thu về cho vay là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.*

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**6. Phải thu khác**

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>a) Ngắn hạn</i>	<b>15.576.741.166</b>	<b>(175.000.000)</b>	<b>14.223.765.182</b>	<b>(175.000.000)</b>
Phải thu khác	11.673.383.583	(175.000.000)	10.670.102.055	(175.000.000)
Lãi cho vay phải thu Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua	2.650.822.233	-	2.285.822.233	-
Lãi cho vay phải thu Công ty CP Sản xuất kinh doanh gia súc gia cầm	3.744.381.946	-	3.265.319.446	-
Lãi cho vay phải thu Công ty CP Phát triển Siêu thị Hà Nội	600.304.555	-	509.054.555	-
Nguyễn Quốc Hùng (*)	2.260.864.514	-	2.260.864.514	-
Tiền thuê đất số 55 Mã Mây (**)	2.008.961.838	-	1.910.858.294	-
Các đối tượng khác	408.048.497	(175.000.000)	438.183.013	(175.000.000)
Tạm ứng	3.903.357.583	-	3.553.663.127	-
<i>b) Dài hạn</i>	<b>11.594.959</b>	<b>-</b>	<b>11.594.959</b>	<b>-</b>
Ký cược, ký quỹ	11.594.959	-	11.594.959	-
<b>Cộng</b>	<b>15.588.336.125</b>	<b>(175.000.000)</b>	<b>14.235.360.141</b>	<b>(175.000.000)</b>

(\*) Khoản phải thu Ông Nguyễn Quốc Hùng về tài sản thiếu hụt của Trung tâm Kinh doanh thực phẩm tổng hợp sau khi chấm dứt hoạt động mà Ông Nguyễn Quốc Hùng phải chịu trách nhiệm thu hồi và hoàn trả cho Công ty theo Biên bản làm việc ngày 24/5/2017 của Công ty CP Thực phẩm Hà Nội.

(\*\*) Khoản phải thu về tiền thuê đất tại địa chỉ số 55, Mã Mây, phường Hàng Buồm, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội do có tranh chấp giữa Công ty và đối tượng thuê tài sản.

*b) Phải thu khác của các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.*

**7. Hàng tồn kho**

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	33.820.606	-	16.182.500	-
Công cụ, dụng cụ	-	-	16.129.561	-
Hàng hóa	25.641.718.161	-	41.041.626.871	-
Hàng gửi bán	427.932.292	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>26.103.471.059</b>	<b>-</b>	<b>41.073.938.932</b>	<b>-</b>



**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**8. Nợ xấu**

	31/12/2021		01/01/2021	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</i>				
Phải thu khác				
Hợp tác xã Sông Công	175.000.000	-	175.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>175.000.000</b>	<b>-</b>	<b>175.000.000</b>	<b>-</b>

**9. Chi phí trả trước**

	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>a) Ngắn hạn</i>	<i>113.864.354</i>	<i>132.074.943</i>
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	113.864.354	132.074.943
<i>Dài hạn</i>	<i>3.403.723.462</i>	<i>7.916.518.881</i>
Lợi thế kinh doanh	344.562.484	447.931.240
Chi phí công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	858.375.341	1.860.339.062
Chi phí không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định	2.200.785.637	5.608.248.579
<b>Cộng</b>	<b>3.517.587.816</b>	<b>8.048.593.824</b>

**10. Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình**

Khoản mục	Đơn vị tính: VND	
	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá		
Số dư ngày 01/01/2021	227.000.000	227.000.000
Số dư ngày 31/12/2021	227.000.000	227.000.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư ngày 01/01/2021	219.168.000	219.168.000
Khấu hao trong năm	7.832.000	7.832.000
Số dư ngày 31/12/2021	227.000.000	227.000.000
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2021	7.832.000	7.832.000
Tại ngày 31/12/2021	-	-

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021: 227.000.000 VND (31/12/2020: 0 VND)

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng	Đơn vị tính: VND
<b>Nguyên giá</b>						
Số dư ngày 01/01/2021	115.936.557.139	6.471.034.704	3.463.631.843	2.287.858.136		128.159.081.822
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.904.400.015	-	-	-		1.904.400.015
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.842.524.262)	-	(624.439.410)		(3.466.963.672)
Số dư ngày 31/12/2021	117.840.957.154	3.628.510.442	3.463.631.843	1.663.418.726		126.596.518.165
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>						
Số dư ngày 01/01/2021	53.255.933.787	5.606.047.813	3.283.791.389	2.154.248.635		64.300.021.624
Khấu hao trong năm	5.071.690.508	238.695.257	44.671.232	62.910.312		5.417.967.309
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.579.953.611)	-	(624.439.410)		(3.204.393.021)
Số dư ngày 31/12/2021	58.327.624.295	3.264.789.459	3.328.462.621	1.592.719.537		66.513.595.912
<b>Giá trị còn lại</b>						
Tại ngày 01/01/2021	62.680.623.352	864.986.891	179.840.454	133.609.501		63.859.060.198
Tại ngày 31/12/2021	59.513.332.859	363.720.983	135.169.222	70.699.189		60.082.922.253

Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2021: 16.669.859.815 VND (31/12/2020: 10.586.785.086 VND)

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

12. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<i>Chi phí xây dựng cơ bản dở dang</i>		
Dự án "Đầu tư xây dựng Khu nhà ở" tại địa chỉ số 54 ngõ 459 Bạch Mai, Hai Bà Trưng, Hà Nội (*)	1.239.269.981	1.239.269.981
Dự án "Trung tâm thương mại và Dịch vụ Cửu Long" tại địa chỉ số 253 Phố Vọng, Đồng Tâm, Hai Bà Trưng, Hà Nội (**)	2.068.594.048	2.068.594.048
<b>Cộng</b>	<b>3.307.864.029</b>	<b>3.307.864.029</b>

(\*) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 629/2009/HANOIFOOD-COTANA ngày 02/11/2009 giữa Công ty TNHH Nhà nước MTV Thực phẩm Hà Nội (nay là Công ty CP thực phẩm Hà Nội) gọi là bên (A) và Công ty CP Đầu tư và Xây dựng Thành Nam ( Nay là Công ty CP tập đoàn Cotana) gọi là bên (B). Mục đích của hợp đồng là Hợp tác kinh doanh dự án đầu tư xây dựng khu đất tại ngõ 459 Bạch Mai - HBT - Hà Nội. Thực hiện dự án đầu tư xây dựng toà nhà chung cư trên khu đất này với quy mô xây dựng dự kiến: Tổng diện tích khu đất 2.085,9 m<sup>2</sup>; mật độ xây dựng 50%; đất xây dựng toà nhà chung cư 25 tầng với 1.000m<sup>2</sup>; diện tích xây dựng sân vườn, đường nội bộ 1.085,9 m<sup>2</sup>. Dự án trên đến thời điểm 31/12/2021 vẫn chưa có phát sinh thêm so với năm trước.

(\*\*) Căn cứ theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 103/HĐHTKD ngày 13/09/2010 giữa Công ty TNHH Nhà nước MTV Thực phẩm Hà Nội (nay là Công ty CP thực phẩm Hà Nội) gọi là bên (A) và Liên doanh Công ty TNHH Xây dựng Dân dụng và Công Nghiệp Delta - Công ty CP Tư vấn đầu tư xây dựng và Ứng dụng công nghệ mới (Vinaconex R&D) do Công ty TNHH Xây dựng dân dụng và công nghiệp Delta làm đại diện gọi là bên (B). Lô đất là phần diện tích đất tại 253 phố Vọng - HBT - HN có diện tích 3.255,7m<sup>2</sup>, diện tích thực tế được xác định theo biên bản bàn giao đất. Mục đích của hợp đồng hợp tác kinh doanh để cùng triển khai thực hiện Dự án, khai thác kinh doanh mặt bằng dự án sau đầu tư và phân chia lợi nhuận từ hoạt động trên khu đất trên. Sản phẩm của hợp đồng này là diện tích tính theo m<sup>2</sup> của căn hộ, văn phòng và các phần diện tích hữu ích khác trong phạm vi lô đất, các dịch vụ sinh lời có thể phát sinh theo thời gian. Dự án trên đến thời điểm 31/12/2021 vẫn chưa có phát sinh thêm so với năm trước.

13. Phải trả người bán	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<i>a) Ngắn hạn</i>				
Công ty CP Thương mại Lãng Yên	583.610.000	583.610.000	583.610.000	583.610.000
Công ty CP Đầu tư và Tư vấn xây lắp Việt Nam	-	-	404.004.888	404.004.888
GRUPE BATTEUR 0/B FRANCE BEAUTE LIMITED	-	-	29.493.289.773	29.493.289.773
Các đối tượng khác	4.376.326.319	4.376.326.319	6.420.691.067	6.420.691.067
<b>Cộng</b>	<b>4.959.936.319</b>	<b>4.959.936.319</b>	<b>36.901.595.728</b>	<b>36.901.595.728</b>

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật,  
phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

**Mẫu số B 09 - DN****BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**14. Người mua trả tiền trước**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Phạm Xuân Hiệp	15.000.000	-
Các đối tượng khác	51.598.242	67.365.432
<b>Cộng</b>	<b>66.598.242</b>	<b>67.365.432</b>

**15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Đơn vị tính: VND 31/12/2021
<i>a) Phải nộp</i>				
Thuế GTGT đầu ra	-	1.637.997.374	1.179.186.057	458.811.317
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	712.146.470	712.146.470	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	440.916.201	440.916.201	-
Thuế thu nhập cá nhân	48.036.009	79.538.949	115.861.141	11.713.817
Thuế nhà thầu	-	27.003.577	27.003.577	-
Thuế tài nguyên	-	-	-	-
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	333.098.165	7.775.502.905	8.108.601.070	-
Các loại thuế khác	-	34.000.000	34.000.000	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	362.073.101	-	20.244.778	341.828.323
<b>Cộng</b>	<b>743.207.275</b>	<b>10.707.105.476</b>	<b>10.637.959.294</b>	<b>812.353.457</b>
<i>b) Phải thu</i>				
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	468.770.728	468.770.728
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>468.770.728</b>	<b>468.770.728</b>

**16. Chi phí phải trả**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Chi phí hợp tác kinh doanh với Công ty VHSC	-	416.368.519
Chi phí tiền điện tiền nước phải trả	38.979.235	28.220.505
<b>Cộng</b>	<b>38.979.235</b>	<b>444.589.024</b>

**17. Doanh thu chưa thực hiện**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
<i>Ngắn hạn</i>		
Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	272.902.859	647.911.987
<b>Cộng</b>	<b>272.902.859</b>	<b>647.911.987</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Địa chỉ: Số 24 - 26 Trần Nhật Duật, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***18. Vay và nợ thuê tài chính**

	31/12/2021			Trong kỳ			Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>35.393.192.009</b>	<b>35.393.192.009</b>	<b>91.658.095.121</b>	<b>74.410.415.248</b>	<b>18.145.512.136</b>	<b>18.145.512.136</b>	
<i>Vay cá nhân</i>	-	-	-	<b>310.000.000</b>	<b>310.000.000</b>	<b>310.000.000</b>	<b>310.000.000</b>
Phạm Thị Thanh Hiền (1)	-	-	-	310.000.000	310.000.000	310.000.000	310.000.000
<i>Vay ngân hàng</i>	<b>34.446.782.100</b>	<b>34.446.782.100</b>	<b>90.712.156.778</b>	<b>73.154.005.339</b>	<b>16.888.630.661</b>	<b>16.888.630.661</b>	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hà Nội	-	-	1.418.626.000	1.418.626.000	-	-	-
Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Thiên Long (4)	34.446.782.100	34.446.782.100	89.293.530.778	71.735.379.339	16.888.630.661	16.888.630.661	
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<b>946.409.909</b>	<b>946.409.909</b>	<b>945.938.343</b>	<b>946.409.909</b>	<b>946.881.475</b>	<b>946.881.475</b>	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà (3)	946.409.909	946.409.909	945.938.343	946.409.909	946.881.475	946.881.475	
<b>b) Dài hạn</b>	<b>946.881.465</b>	<b>946.881.465</b>	-	<b>1.945.938.343</b>	<b>2.892.819.808</b>	<b>2.892.819.808</b>	
<i>Vay cá nhân</i>	-	-	-	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	<b>1.000.000.000</b>	
Phạm Thị Thanh Hiền (2)	-	-	-	1.000.000.000	1.000.000.000	1.000.000.000	
<i>Vay ngân hàng</i>	<b>946.881.465</b>	<b>946.881.465</b>	-	<b>945.938.343</b>	<b>1.892.819.808</b>	<b>1.892.819.808</b>	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hồng Hà (3)	946.881.465	946.881.465	-	945.938.343	1.892.819.808	1.892.819.808	
<b>Cộng</b>	<b>36.340.073.474</b>	<b>36.340.073.474</b>	<b>91.658.095.121</b>	<b>76.356.353.591</b>	<b>21.038.331.944</b>	<b>21.038.331.944</b>	

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

- Vay Bà Phạm Thị Thanh Hiền theo các hợp đồng tín dụng sau:
- + (1) Khoản vay theo Hợp số 014-14/HDTG -TPHN ngày 06/10/2014, số tiền vay là 170.000.000 đồng, lãi suất vay là 8,5%/năm, thời hạn vay 3 tháng, gốc tự động tái tục. Khoản vay theo hợp đồng số 001-16/HDTG-TPHN ngày 29/8/2016 số tiền vay là 140.000.000 đồng lãi suất vay là 7,5%/năm, thời hạn vay 6 tháng, gốc tự động tái tục. Khoản vay đã tất toán trong năm
- + (2) Khoản vay theo Hợp số 001-17/HDTG -TPHN ngày 28/12/2017, số tiền vay là 1.000.000.000 đồng, lãi suất vay là 8,5%/năm, thời hạn vay 24 tháng, gốc tự động tái tục. Khoản vay đã tất toán trong năm.
- (3) Khoản vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam theo hợp đồng số 160LAV201700266 ký ngày 23/11/2017; hạn mức tín dụng là 9.800.000.000 đồng; mục đích khoản vay để đầu tư xây dựng dự án 'Cửa hàng thương mại dịch vụ Đồng Xuân'; thời hạn vay là 72 tháng kể từ ngày ký hợp đồng; lãi suất cho vay trong hạn là 10,5%/năm. Tài sản đảm bảo chính là tài sản hình thành trong tương lai thuộc công trình xây dựng Cửa hàng thương mại Đồng Xuân tại số 26 Cao Thắng, phường Đồng Xuân, quận Hoàn Kiếm.
- (4) Khoản vay Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Thiên Long theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 75/2020/HĐHM/TVBTL-TPHN ngày 16/7/2020 và Phụ lục sửa đổi, bổ sung số 2 ngày 16/09/2021; hạn mức tín dụng: 70.000.000.000 đồng; lãi suất được quy định trong từng giấy cam kết trả nợ và/hoặc các văn bản liên quan được tính trên cơ sở 365 ngày một năm, mục đích vay bổ sung vốn lưu động, thời hạn cấp hạn mức đến ngày 16/11/2021. Tài sản bảo đảm khoản vay Bất động sản 80%, Tiền gửi tiết kiệm 100%. Tài sản Bất động sản là các khoản lợi thu được từ việc kinh doanh, khai thác giá trị quyền sử dụng đất hoặc hạ tầng kỹ thuật trên đất tại địa chỉ số 57 Khâm Thiên, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Hà Nội được định giá tại ngày 16/7/2020 với giá trị là 3.982.000.000 đồng; Số 01 (trước kia là số 10) Cao Thắng, phường Đồng Xuân, quận Đống Đa, Hà Nội được định giá tại ngày 16/7/2020 với giá trị là 9.018.000.000 đồng; Số 72 Triệu Việt Vương, phường Bùi Thị Xuân, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội được định giá tại ngày 16/7/2020 với giá trị là 30.294.000.000 đồng; Số 35 Lạc Trung, quận Hai Bà Trưng, Hà Nội được định giá tại ngày 16/7/2020 với giá trị là 5.485.000.000 đồng; Số 164 đường Tựu Liệt, xã Tam Hiệp, huyện Thanh Trì, Hà Nội được định giá tại ngày 16/7/2020 với giá trị là 46.909.000.000 đồng. Tổng giá trị Tài sản đảm bảo (làm tròn) 95.688.000.000 đồng, tài sản trên đảm bảo cho số dư hạn mức tín dụng tối đa là 76.550.400.000 đồng.

19. Phải trả khác	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>777.618.625</b>	<b>396.118.625</b>
Các khoản phải trả, phải nộp khác.	777.618.625	396.118.625
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	386.278.925	386.278.925
Trợ cấp thôi việc cho CBCNV	381.500.000	-
Các đối tượng khác	9.839.700	9.839.700
<b>b) Dài hạn</b>	<b>1.998.900.000</b>	<b>1.815.500.000</b>
Nhận ký quỹ ký cược	1.998.900.000	1.815.500.000
<b>Cộng</b>	<b>2.776.518.625</b>	<b>2.211.618.625</b>

b) Phải trả khác là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.2.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH** (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**20. Vốn chủ sở hữu**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2020	145.000.000.000	285.291.856	5.890.405.310	151.175.697.166
Lãi trong năm trước	-	-	(5.348.587.830)	(5.348.587.830)
Số dư tại ngày 31/12/2020	145.000.000.000	285.291.856	541.817.480	145.827.109.336
Lỗ trong năm nay	-	-	(1.853.740.256)	(1.853.740.256)
Số dư tại ngày 31/12/2021	145.000.000.000	285.291.856	(1.311.922.776)	143.973.369.080

**b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu**

	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Vốn góp của các cổ đông	145.000.000.000	145.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>145.000.000.000</b>	<b>145.000.000.000</b>

**c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
- Vốn góp của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	145.000.000.000	145.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	145.000.000.000	145.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**d) Cổ phiếu**

	31/12/2021 Cổ phiếu	01/01/2021 Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	14.500.000	14.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	14.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	14.500.000	14.500.000
+ Cổ phiếu phổ thông	14.500.000	14.500.000
+ Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân là vốn chủ sở hữu)	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/Cổ phiếu

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**f) Các quỹ của công ty**

Khoản mục	01/01/2021	Số tăng trong năm	Số giảm trong năm	Đơn vị tính: VND
				31/12/2021
Quỹ đầu tư phát triển	540.000.000	-	-	540.000.000
<b>Cộng</b>	<b>540.000.000</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>540.000.000</b>

**\* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp**

- Quỹ đầu tư phát triển của doanh nghiệp được sử dụng để mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp. Phù hợp với quy định tại điều lệ Công ty.

**VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh****1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>Doanh thu</b>		
Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm	117.990.952.936	103.701.198.150
Doanh thu cung cấp dịch vụ	18.903.367.252	20.791.307.709
<b>Cộng</b>	<b>136.894.320.188</b>	<b>124.492.505.859</b>

**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giảm giá hàng bán	3.503.534	23.154.524
Hàng bán bị trả lại	188.012.287	100.768.010
<b>Cộng</b>	<b>191.515.821</b>	<b>123.922.534</b>

**3. Giá vốn hàng bán**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Giá vốn của bán hàng hóa thành phẩm	99.067.656.936	91.645.131.912
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	5.942.845.888	8.207.386.601
<b>Cộng</b>	<b>105.010.502.824</b>	<b>99.852.518.513</b>

**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	939.457.165	1.444.208.496
Cổ tức, lợi nhuận được chia	612.000.000	1.068.000.000
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	18.822.346	14.682.655
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	559.173.361	-
<b>Cộng</b>	<b>2.129.452.872</b>	<b>2.526.891.151</b>



Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***5. Chi phí tài chính**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Lãi tiền vay	3.369.718.853	1.770.425.997
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	26.128.589	21.843.567
<b>Cộng</b>	<b>3.395.847.442</b>	<b>1.792.269.564</b>

**6. Thu nhập khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Thu nhập khác	291.037.560	789.574.344
Thưởng doanh số bán hàng	1.364.350.400	-
Thanh lý tài sản, công cụ dụng cụ	-	3.636.364
<b>Cộng</b>	<b>1.655.387.960</b>	<b>793.210.708</b>

**7. Chi phí khác**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Các khoản bị phạt	2.768	15.290.946
Các khoản khác	1.179.128	18.863.636
<b>Cộng</b>	<b>1.181.896</b>	<b>34.154.582</b>

**8. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>	<b>18.504.879.977</b>	<b>15.513.478.769</b>
Chi phí nhân viên	9.182.714.624	8.083.883.253
Chi phí vật liệu, bao bì	75.931.993	78.189.336
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	23.844.415	19.427.600
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.292.037.283	1.347.077.311
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.158.633.259	3.278.699.138
Chi phí bằng tiền khác	4.771.718.403	2.706.202.131
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>	<b>15.428.973.316</b>	<b>15.844.851.586</b>
Chi phí nhân viên quản lý	4.341.599.836	4.331.182.653
Chi phí đồ dùng văn phòng	37.233.800	22.285.000
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	1.098.585.592	1.124.199.896
Thuế, phí và lệ phí	7.652.537.234	7.795.095.936
Chi phí dịch vụ mua ngoài	928.247.159	834.885.335
Chi phí bằng tiền khác	1.370.769.695	1.737.202.766

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	530.329.752	1.328.041.840
Chi phí nhân công	13.766.934.228	12.415.065.906
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.425.799.309	5.485.563.284
Thuế, phí và lệ phí	7.652.537.234	7.795.095.936
Chi phí dịch vụ mua ngoài	5.230.000.171	5.712.215.507
Chi phí khác bằng tiền	6.310.038.255	4.563.306.833
<b>Cộng</b>	<b>38.915.638.949</b>	<b>37.299.289.306</b>

**10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	(1.853.740.256)	(5.348.587.830)
Các khoản điều chỉnh tăng	2.817.922.151	202.154.582
<i>Chi phí không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế</i>	<i>2.817.922.151</i>	<i>202.154.582</i>
Các khoản điều chỉnh giảm	612.000.000	1.068.000.000
<i>Lợi nhuận từ hoạt động không thuộc diện chịu thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	<i>612.000.000</i>	<i>1.068.000.000</i>
Lỗi được chuyển và bù trừ lẫn lộn các hoạt động	(352.181.895)	-
Thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(6.214.433.248)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

**11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên Báo cáo tài chính này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ.****1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến Báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
Chuyển phải thu về cho vay thành đầu tư vào Công ty con	-	4.600.000.000
Chuyển lãi phải thu về cho vay thành đầu tư vào Công ty con	-	2.400.000.000
	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND

**2. Số tiền đi vay thực thu trong năm:**

- Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường; 90.712.156.778 40.895.919.872

**3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm:**

- Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường; 75.410.415.248 35.178.774.660

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**VIII. Những thông tin khác**

**1. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Căn cứ theo Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐQT của Hội đồng quản trị ngày 01/03/2022 và Theo Quyết định số 16/2022/QĐ-TPHN ngày 01/03/2022, Ông Nguyễn Thái Dũng được bổ nhiệm làm Giám đốc Công ty kể từ ngày 01/03/2022 và theo Quyết định số 04/2021/QĐ - TPNH ngày 17/12/2021, bà Vũ Thị Mai Hồng được bổ nhiệm làm Kế toán trưởng Công ty kể từ ngày 01/01/2022. Do có sự thay đổi nhân sự nêu trên nên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty sẽ do Ông Nguyễn Thái Dũng ký xác nhận số liệu với chức danh Giám đốc và Bà Vũ Thị Mai Hồng ký xác nhận số liệu với chức danh Kế toán trưởng.

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021.

**2. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**(\*) Danh sách các bên liên quan**

**Bên liên quan**

Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP  
Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua  
Công ty CP Thương mại Lãng Yên  
Công ty CP Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm  
Công ty CP Âm thực Hà Nội

**Mối quan hệ**

Cổ đông lớn  
Công ty con  
Công ty con  
Công ty liên kết  
Công ty liên kết

**(\*) Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:**

	Năm 2021 VND	Năm 2020 VND
<b><i>Bán hàng</i></b>	<b>510.008.980</b>	<b>604.248.123</b>
Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua	22.375.643	23.345.473
Công ty CP Âm thực Hà Nội	487.633.337	580.902.650
<b><i>Mua hàng</i></b>	<b>146.351.200</b>	<b>150.624.000</b>
Công ty CP Thương mại Lãng Yên	146.351.200	150.624.000
<b><i>Lãi cho vay phát sinh</i></b>	<b>844.062.500</b>	<b>1.212.847.224</b>
Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua	365.000.000	732.472.224
Công ty CP Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm	479.062.500	480.375.000
<b><i>Cổ tức được nhận</i></b>	<b>612.000.000</b>	<b>1.068.000.000</b>
Công ty CP Thương mại Lãng Yên	612.000.000	1.020.000.000
Công ty CP Âm thực Hà Nội	-	48.000.000

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

(*) Số dư với các bên liên quan	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn</b>	<b>7.500.000.000</b>	<b>7.500.000.000</b>
Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua	4.000.000.000	4.000.000.000
Công ty CP Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm	3.500.000.000	3.500.000.000
<b>Các khoản thu khác về lãi cho vay</b>	<b>6.395.204.179</b>	<b>5.551.141.679</b>
Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua	2.650.822.233	2.285.822.233
Công ty CP Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm	3.744.381.946	3.265.319.446
<b>Các khoản phải trả trước cho người bán ngắn hạn</b>	<b>312.692.924</b>	<b>312.692.924</b>
Công ty CP Sản xuất kinh doanh Gia súc Gia cầm	312.692.924	312.692.924
<b>Các khoản phải trả người bán ngắn hạn</b>	<b>583.610.000</b>	<b>583.610.000</b>
Công ty CP Thương mại Lãng Yên	583.610.000	583.610.000
<b>Các khoản phải trả khác ngắn hạn</b>	<b>386.278.925</b>	<b>386.278.925</b>
Tổng Công ty Thương mại Hà Nội - CTCP	386.278.925	386.278.925
<b>Các khoản phải thu của khách hàng ngắn hạn</b>	<b>177.487.906</b>	-
Công ty CP Âm thực Hà Nội	177.099.301	-
Công ty CP Thương mại dịch vụ Bắc Qua	388.605	-

## (\*) Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm như sau:

	Năm 2021	Năm 2020
	VND	VND
Lương của Ban Giám đốc và người quản lý khác	1.509.245.295	1.264.039.167
Thù lao của Hội đồng quản trị	204.000.000	233.000.000
Thù lao của Ban kiểm soát	48.000.000	61.000.000
<b>Cộng</b>	<b>1.761.245.295</b>	<b>1.558.039.167</b>

Chi tiết thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong năm 2021 như sau:

		Năm 2021	Năm 2020
		VND	VND
Tiền lương của Giám đốc và người quản lý khác		1.509.245.295	1.264.039.167
<b>Họ tên</b>	<b>Chức danh</b>		
Bà Nguyễn Ngọc Dung	Giám đốc (Bổ nhiệm ngày 01/10/2021 và Miễn nhiệm ngày 25/01/2022)	165.000.000	-
Ông Ngô Đức Long	Giám đốc (Miễn nhiệm ngày 01/10/2021)	255.445.910	328.879.543
Ông Chu Việt Cường	Phó Giám đốc	325.231.961	323.897.576
Bà Lê Thị Ngọc Diệp	Phó Giám đốc	307.133.635	315.911.819
Bà Đinh Thị Chuyên	Phó Giám đốc	223.884.543	55.352.273
Bà Nguyễn Kim Huyền	Kế toán trưởng (Miễn nhiệm ngày 31/12/2021)	232.549.246	239.997.956

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

**Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị**

Họ tên	Chức danh	204.000.000	233.000.000
Bà Dương Thị Lam	Chủ tịch (Bổ nhiệm ngày 13/10/2021)	15.000.000	-
Ông Vũ Thanh Sơn	Chủ tịch (Miễn nhiệm ngày 13/10/2021)	45.000.000	68.000.000
Bà Ngô Lan Hương	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 13/10/2021)	9.000.000	-
Ông Đinh Tiến Thành	Thành viên (Bổ nhiệm ngày 13/10/2021)	9.000.000	-
Bà Hà Chi	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 30/06/2020)	-	24.000.000
Ông Phạm Tuấn Linh	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 13/10/2021)	27.000.000	42.000.000
Bà Trần Huệ Linh	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm từ ngày 30/06/2020)	36.000.000	18.000.000
Bà Phạm Diễm Hoa	Thành viên HĐQT	36.000.000	42.000.000
Ông Ngô Đức Long	Thành viên (Miễn nhiệm ngày 13/10/2021)	27.000.000	39.000.000

**Thù lao của các thành viên Ban kiểm soát**

Họ tên	Chức danh	48.000.000	61.000.000
Bà Nguyễn Thu Hương	Trưởng BKS (Bổ nhiệm ngày 13/10/2021)	6.000.000	-
Bà Trần Diệu Thúy	Trưởng BKS (Miễn nhiệm ngày 13/10/2021)	18.000.000	29.000.000
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 13/10/2021)	3.000.000	-
Bà Trương Thị Nga	Thành viên ban kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 30/06/2020)	-	10.000.000
Ông Đỗ Quang Huy	Thành viên ban kiểm soát (Miễn nhiệm ngày 13/10/2021)	9.000.000	6.000.000
Ông Nguyễn Việt Thắng	Thành viên ban kiểm soát	12.000.000	6.000.000
Ông Nguyễn Thế Vinh	Thành viên ban kiểm soát (Miễn nhiệm từ ngày 30/06/2020)	-	10.000.000

**3. Công cụ tài chính****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số V.18 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

Công nợ tài chính	31/12/2021 VND	01/01/2021 VND
Các khoản vay	36.340.073.474	21.038.331.944

Mẫu số B 09 - DN

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	4.190.087.335	1.451.987.971
Nợ thuần	32.149.986.139	19.586.343.973
Vốn chủ sở hữu	144.513.369.080	146.367.109.336
Tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu	22%	13%

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số IV.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2021	01/01/2021
	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.190.087.335	1.451.987.971
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.282.945.820	16.404.248.393
Các khoản đầu tư tài chính	9.673.049.254	9.673.049.254
<b>Cộng</b>	<b>35.146.082.409</b>	<b>27.529.285.618</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	36.340.073.474	21.038.331.944
Phải trả người bán và phải trả khác	7.736.454.944	39.113.214.353
Chi phí phải trả	38.979.235	444.589.024
<b>Cộng</b>	<b>44.115.507.653</b>	<b>60.596.135.321</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng cho giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)***Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp

**Quản lý rủi ro về giá**

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

31/12/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	5.737.554.944	1.998.900.000	7.736.454.944
Chi phí phải trả	38.979.235	-	38.979.235
Các khoản vay	35.393.192.009	946.881.465	36.340.073.474
01/01/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	37.297.714.353	1.815.500.000	39.113.214.353
Chi phí phải trả	444.589.024	-	444.589.024
Các khoản vay	18.145.512.136	2.892.819.808	21.038.331.944

Công ty đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức trung bình. Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó (nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)**

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo)

31/12/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.190.087.335	-	4.190.087.335
Phải thu khách hàng và phải thu khác	21.271.350.861	11.594.959	21.282.945.820
Các khoản đầu tư tài chính	8.500.000.000	1.173.049.254	9.673.049.254
01/01/2021	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.451.987.971	-	1.451.987.971
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.392.653.434	11.594.959	16.404.248.393
Các khoản đầu tư tài chính	8.500.000.000	1.173.049.254	9.673.049.254

**4. Thông tin so sánh**

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 của Công ty Cổ phần Thực phẩm Hà Nội đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2022

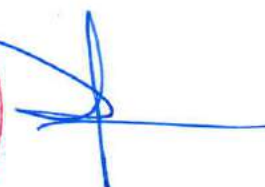
**CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HÀ NỘI**

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Phùng Thị Thúy

Vũ Thị Mai Hồng

Nguyễn Thái Dũng

